



No	水槽名称	No	水槽名称	No	水槽名称	No	水槽名称
①	沈砂槽	⑦	BOD酸化槽	⑬	中和槽	⑲	ろ過処理水槽
②	第1原水調整槽	⑧	硝化槽	⑭	ろ過処理水槽	⑳	放流槽
③	第2原水調整槽	⑨	脱窒槽	⑮	No. 2pH調整槽	㉑	汚泥濃縮槽
④	第3原水調整槽	⑩	脱窒槽	⑯	ろ過処理水槽	㉒	汚泥貯留槽
⑤	No. 1pH調整槽	⑪	脱窒槽	⑰	ろ過処理水槽	㉓	汚泥貯留槽

記号	設備名称	仕様	数量	備注
PH-06	PH計	EM-CES 1.25sq-4C	1	
PH-07	PH計	EM-CES 1.25sq-4C	1	
PH-08	PH計	EM-CES 1.25sq-4C	1	
PH-09	PH計	EM-CES 1.25sq-2C x2	2	
PH-10	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-11	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-12	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-13	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-14	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-15	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-16	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-17	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-18	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-19	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-20	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-21	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-22	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-23	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-24	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-25	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-26	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-27	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-28	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-29	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-30	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-31	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-32	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-33	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-34	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-35	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-36	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-37	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-38	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-39	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-40	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-41	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-42	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-43	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-44	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-45	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-46	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-47	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-48	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-49	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-50	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-51	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-52	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-53	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-54	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-55	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-56	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-57	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-58	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-59	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-60	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-61	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-62	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-63	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-64	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-65	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-66	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-67	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-68	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-69	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-70	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-71	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-72	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-73	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-74	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-75	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-76	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-77	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-78	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-79	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-80	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-81	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-82	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-83	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-84	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-85	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-86	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-87	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-88	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-89	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-90	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-91	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-92	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-93	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-94	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-95	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-96	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-97	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-98	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-99	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	
PH-100	PH計	EM-CES 1.25sq-2C	1	

1. 機器の仕様書（V/E）が添付されている場合は、下記に示す。
 2. 機器の仕様書は、図面記載を参照のこと。
 3. ワールドマップ及びケーブルマップは、図面の付録として、
 4. 図面に記載されている機器は、図面に記載されている。

路線(河川)名				
工 事 件 名	八丈島処分場ブロウ修繕			
工 事 箇 所	八丈島一般廃棄物管理型最終処分場			
図 面 名 称	平面図	縮 尺	-	
作製年月日	令和2年10月23日			図面番号
技術管理者	課長	主事	照査	設計
				2
東京都島嶼町村一部事務組合				2